

Số: 318/TB-ĐHKH

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 3 năm 2022

THÔNG BÁO
Tuyển sinh sau đại học đợt 1 năm 2022

Căn cứ kế hoạch đào tạo sau đại học năm 2022, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên thông báo tuyển sinh sau đại học đợt 1 năm 2022 như sau:

I. Trình độ thạc sĩ

1. Ngành đào tạo - mã ngành - chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Toán học (Phương pháp Toán sơ cấp)	8460113	30
2	Toán học (Toán ứng dụng)	8460112	30
3	Vật lý (Quang học)	8440110	30
4	Văn học Việt Nam	8220121	40
5	Hóa học (Hóa phân tích)	8440118	40
6	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	8850101	60
7	Công nghệ sinh học	8420201	20
8	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	8229015	20
9	Khoa học quản lý	8340401	80

2. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển kết hợp với xét tuyển.

3. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học chỉ áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng.

- Thời gian đào tạo: Từ 18 tháng đến 24 tháng (đối với hình thức đào tạo chính quy).

4. Môn thi tuyển, xét tuyển

a) Môn thi tuyển (ngoại ngữ đầu vào)

- Môn thi tuyển là môn tiếng Anh. Dạng thức đề thi môn tiếng Anh đảm bảo xác định được trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. ĐHTN sẽ thông báo dạng thức đề thi môn tiếng Anh trên trang thông tin điện tử: <http://www.tnu.edu.vn> và <http://sdh.tnu.edu.vn>.

- Người dự tuyển có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại Mục 7 của Thông báo này không phải tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào.

b) Môn xét tuyển

STT	Ngành học	Tên môn/ Tổ hợp môn	Ghi chú
1	Phương pháp Toán sơ cấp	Môn 1: Tổ hợp 2 môn: Đại số tuyển tính và Hình học giải tích, Đại số đại cương. Môn 2: Tổ hợp 2 môn: Giải tích cổ điển (Giải tích A1, A2, A3), Không gian mêtric.	

2	Toán ứng dụng	<p><i>Môn 1:</i> Tổ hợp 2 môn: Đại số tuyến tính và Hình học giải tích, Đại số đại cương.</p> <p><i>Môn 2:</i> Tổ hợp 2 môn: Giải tích cổ điển (Giải tích A1, A2, A3), Không gian metric.</p>	
3	Vật lý (Quang học)	<p><i>Môn 1.</i> Cơ học lượng tử.</p> <p><i>Môn 2:</i> Toán cho Vật lý (hoặc Thông tin quang).</p>	
4	Văn học Việt Nam	<p><i>Môn 1.</i> Lí luận văn học (hoặc Dẫn luận ngôn ngữ, Nguyên lí lí luận văn học, Tác phẩm và loại thể văn học, Ngôn ngữ học đại cương, Việt ngữ học đại cương).</p> <p><i>Môn 2.</i> Văn học Việt Nam hiện đại (hoặc Văn học Việt Nam đại cương, Văn học Việt Nam 1900-1945, Lịch sử văn học Việt Nam).</p>	
5	Hóa học (Hóa phân tích)	<p><i>Môn 1.</i> Hoá đại cương (Hoặc: Hoá đại cương 1, Hoá đại cương 2, Hoá đại cương A1, Hoá đại cương A2, Hoá cấu tạo, cấu tạo chất).</p> <p><i>Môn 2.</i> Hoá phân tích (Hoặc cơ sở lý thuyết hoá phân tích, Hoá hữu cơ, Hoá hữu cơ 1, Hoá hữu cơ 2, hoặc Hoá vô cơ, Hoá vô cơ 1, Hoá vô cơ 2).</p>	
6	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	<p><i>Môn 1.</i> Môi trường và phát triển bền vững (hoặc một trong các môn: Ô nhiễm môi trường, Các khoa học Trái Đất, Cơ sở khoa học môi trường).</p> <p><i>Môn 2.</i> Quản lý môi trường (hoặc một trong các môn: Quản lý tổng hợp tài nguyên, Đánh giá tác động môi trường).</p>	
7	Công nghệ sinh học	<p><i>Môn 1.</i> Tế bào học (hoặc Vi sinh).</p> <p><i>Môn 2.</i> Sinh học phân tử (hoặc Di truyền).</p>	
8	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p><i>Môn 1.</i> Phương pháp luận sử học (hoặc Lịch sử thế giới hiện đại).</p> <p><i>Môn 2.</i> Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (hoặc Đại cương lịch sử Việt Nam, Tiến trình lịch sử Việt Nam, Lịch sử Việt Nam hiện đại).</p>	
9	Khoa học quản lý	<p><i>Môn 1.</i> Khoa học quản lý (hoặc Quản trị học, Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý công; Quản lý văn hoá, Quản lý giáo dục, Quản lý kinh tế, Quản lý tài chính, Hệ thống thông tin quản lý, Hành chính học đại cương).</p> <p><i>Môn 2.</i> Lịch sử tư tưởng quản lý (hoặc Lịch sử chính trị, Lịch sử kinh tế, Lịch sử giáo dục Việt Nam, Lịch sử văn minh thế giới, Phương pháp nghiên cứu quản lý, Phương pháp nghiên cứu khoa học, Phương pháp điều tra xã hội học).</p>	